

Mối nối vít cắm L NPQO-L-G18-Q4-P10

Số bộ phận: 8203304

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Chiều rộng định mức	2.5 mm
Độ sâu chèn ống	14.8 mm
Loại đệm kín trên ngông vận vít	Vòng O
Vị trí lắp đặt	bất kỳ
Thiết kế	Hình chữ L
Kích cỡ gói	10
Cấu trúc xây dựng	Nguyên tắc đẩy-kéo
Các biến thể	với lỗ gắn
Áp suất vận hành của khoảng nhiệt độ hoàn chỉnh	-0.09 MPA...0.3 MPA -0.9 bar...3 bar -13.05 psi...43.5 psi
Áp suất vận hành phụ thuộc vào nhiệt độ	-0.09 MPA...1.6 MPA -0.9 bar...16 bar -13.05 psi...232 psi
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4] Khí trơ Carbon dioxide Khí Ôxy Nitơ
Lớp chống ăn mòn KBK	2 - bị ăn mòn vừa phải
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vùng III
Phù hợp với thực phẩm	xem thông tin tài liệu bổ xung
Nhiệt độ trung bình	0 °C...120 °C
Nhiệt độ môi trường xung quanh	0 °C...60 °C
Tương thích sinh học theo tiêu chuẩn	ISO 18562
Báo cáo độ sạch bề mặt theo tiêu chuẩn	ASTM G93 ISO 15001
Mức độ tạp chất hydrocacbon tối đa	550 MGM
Mô-men xoắn siết tối đa	6 N m
Mô-men xoắn thắt chặt danh nghĩa	5 N m
Khả năng chịu được mômen siết danh nghĩa	± 10 %
trọng lượng sản phẩm	15.49 g
Cổng nối khí nén 1	Ren ngoài G1/8

Đặc tính	Giá trị
Cổng nối khí nén 2	đối với ống mềm bên ngoài Ø 4 mm
Nhiệt độ môi trường xung quanh Fahrenheit	32 °F...140 °F
Màu vòng nhả	trắng
Vật liệu ngỗng vận vít	thép hợp kim không gỉ
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu vỏ	PVDF
Vật liệu vòng bít ren	FPM
Vật liệu vòng nhả	PVDF
Vật liệu vòng đệm chữ O	FPM
Vật liệu vòng đệm kín ống mềm	FPM
Đoạn kẹp ống vật liệu	thép không gỉ hợp kim cao
Vòng hỗ trợ vật liệu	PVDF